

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa
2. Ông Châu Văn Nhâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chu Thị Huyền Tr, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ 4, khu phố 6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phan Phùng Minh D, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 4, khu phố 6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Ông D, bà Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-3-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên hòa giải nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị Huyền Tr thừa nhận bà và chồng là ông Phan Phùng Minh D tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12-10-2018.

Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không xảy ra cãi vã hay đánh đập, tuy nhiên mâu thuẫn kéo dài nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, từ đầu năm 2021 đến nay hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nữa. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Tr yêu cầu ly hôn với ông Phan Phùng Minh D.

Về con chung: Theo bà Tr vợ chồng có 01 (một) con chung là Phan Phùng Minh H, sinh ngày 17/4/2017. Khi ly hôn, bà Tr yêu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Theo bà Tr, vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn thừa nhận, quá trình xác lập quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày là đúng.

Do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tuy mâu thuẫn không lớn nhưng do không khéo dàn xếp nên để mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Thời gian đầu mới xảy ra mâu thuẫn, ông D cũng nhiều lần gặp gỡ, nói chuyện với nguyên đơn về việc đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, thời gian sau này, do thấy thái độ của bà Tr lạnh nhạt nên ông D cũng không còn đề cập đến vấn đề đoàn tụ gia đình, ông D cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ. Nay, bà Tr yêu cầu ly hôn ông D không đồng ý do ông theo đạo Công giáo, mặt khác ông cho rằng còn tình cảm với vợ. Trường hợp bà Tr kiên quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà Tr.

- Về con: Theo ông D vợ chồng có 01 (một) con chung là Phan Phùng MINH H, sinh ngày 17/4/2017. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông D đồng ý giao con cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Theo ông D, vợ chồng không nợ chung.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho bà Tr được ly hôn với ông D; về con: Quá trình giải quyết ông Phan Phùng Minh D và bà Chu Thị Huyền Tr thỏa thuận nếu trong trường hợp ly hôn sẽ giao con là Phan Phùng MINH H, sinh ngày 17/4/2017 cho bà Chu Thị Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các

đương sự. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: Bà Tr và ông D xác nhận không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Chu Thị Huyền Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Phùng Minh D và tranh chấp về nuôi con Phan Phùng MINH H, sinh ngày 17/4/2017. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Phan Phùng Minh D có nơi cư trú tại: tổ 4, khu phố 6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Tr và ông D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà Tr được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12-10-2018. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Lời khai của các đương sự về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định, trong quá trình sống chung, vợ chồng ông D và bà Tr đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà Tr đối với ông D là có cơ sở chấp nhận.

[5] Quá trình giải quyết vụ án ông D cho rằng còn thương yêu vợ con, mong muốn được đoàn tụ cùng bà Tr. Theo đề nghị này của ông D trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phân tích, giải thích pháp luật và kiên trì hòa giải để vợ chồng ông D và bà Tr có cơ hội đoàn tụ với nhau, nhưng bà Tr vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn; ông D cũng không đưa ra được giải pháp đoàn tụ gia đình để thuyết phục bà Tr; mặt khác, từ đầu năm 2021 đến nay, vợ chồng ông D và bà Tr đã tự chấm dứt đời sống chung. Điều này cho thấy, vợ chồng ông D, bà Tr thật sự không còn cơ hội để đoàn tụ gia đình.

[6] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông D và bà Tr thừa nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là Phan Phùng MINH H, sinh ngày 17/4/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Tr và ông D thỏa thuận, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì giao con là Phan Phùng MINH H cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Bà Tr và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[8] Về nợ chung: bà Tr và ông D xác nhận không có, nên không xem xét;

[9] Về án phí: Bà Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà Tr phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Huyền Tr về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với ông Phan Phùng Minh D.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Chu Thị Huyền Tr và ông Phan Phùng Minh D ly hôn.

2. *Về con và cấp dưỡng nuôi con:* Giao cháu Phan Phùng Minh H, sinh ngày 17/4/2017 cho bà Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Bà Tr và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. *Về nợ chung:* Bà Tr và ông D xác nhận không có, nên không xem xét.

5. *Về án phí:* Bà Chu Thị Huyền Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) bà Tr đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0006309 ngày 22-3-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THA huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự (đề thi hành);
- UBND thị trấn G, huyện X (số 125/2018, ngày 12-10-2018, để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Đào